TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ QUẾ VÕ** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/KDTM
Ngày: 28/4/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chung

Ông Nguyễn Quang Tuyến

- Thư ký phiên toà: Bà Hạp Thị Lan Phương – Thư ký TAND thị xã Quế Võ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2023/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Nời đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt.

Nời đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Ngọc Việt Anh – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP V. Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T.

Địa chỉ: (NR Ông Nguyễn Văn N) khu phố Do Nha, phường Phương Liễu, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

- *Nời đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn N – Giám đốc. Vắng mặt.

- Nời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1976; Địa chỉ: khu phố Do Nha, phường Phương Liễu, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Đại diện nguyên đơn là ông Đoàn Ngọc Việt Anh trình bày:***

Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) có cho Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T (gọi tắt là Công ty T) vay tổng số tiền là 4.309.000.000 đồng theo các hợp đồng tín dụng và văn bản tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/19062 ngày 03/12/2019 (Kèm theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 11/02/2020);

- Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/19062 ngày 19/3/2020;

- Khế ước nhận nợ số 070420-3680945-01-SME ngày 07/4/2020;

- Khế ước nhận nợ số BNH/19062/03 ngày 06/5/2020;

- Khế ước nhận nợ số BNH/19062/04 ngày 08/6/2020;

- Khế ước nhận nợ số BNH/19062/05 ngày 07/7/2020;

- Khế ước nhận nợ số BNH/19062/6 ngày 07/8/2020;

- Khế ước nhận nợ số BNH/19062/07 ngày 09/9/2020;

- Khế ước nhận nợ số BNH/19062/08/10 ngày 20/10/2020;

- Khế ước nhận nợ số BNH/19062/09 ngày 06/11/2020;

- Khế ước nhận nợ số BNH/19062/10 ngày 28/12/2020;

- Khế ước nhận nợ số BNH/19062/11 ngày 20/01/2021;

- Khế ước nhận nợ số BNH/19062/12 ngày 02/2/2021;

- Khế ước nhận nợ số BNH/19062/13 ngày 04/02/2021.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 06/6/2017.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên thì ông Nguyễn Văn N có đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình để bảo lãnh tất cả các nghĩa vụ tài chính của Công ty T đối với Ngân hàng theo các Hợp đồng bảo lãnh số BNH/19/003/HĐBL ngày 25/7/2019 và số 030617-3680945-01-SME/HĐBL ngày 06/6/2017. Ngoài ra, Công ty T còn thế chấp tài sản là thửa đất số 775, tờ bản đồ số 22 tại thôn Do Nha, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ; và 01 chiếc xe ô tô BKS 99C-061.10. Tuy nhiên, đến nay Ngân hàng đã làm thủ tục giải chấp đối với thửa đất nêu trên, còn

chiếc xe ô tô BKS 99C-061.10 hiện nay do đã hết khấu hao và hết giá trị sử dụng, nên Ngân hàng không yêu cầu xử lý đối với những tài sản này.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 05/3/2021 Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, nên các khoản vay trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/4/2023 là 3.723.875.145 đồng, gồm: 2.472.759.681 đồng tiền nợ gốc và 1.251.115.464 đồng tiền nợ lãi. Ngân hàng rút một phần yêu cầu, không yêu cầu Công ty T phải trả tiền lãi chậm trả.

Kể từ ngày 29/4/2023 Công ty T phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng nêu trên cho tới khi thanh toán xong hết các khoản nợ.

Trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì ông Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm sử dụng toàn bộ tài sản của mình thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T cho tới khi thanh toán xong hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án TAND thị xã Quế Võ đã xác minh tại địa phương thì hiện nay ông Nguyễn Văn N là Nời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là Nời đại diện theo pháp luật của Công ty T không có mặt tại địa phương, không rõ địa chỉ hiện nay ở đâu. Xác minh tại Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh thì hiện nay Công ty T đang tạm ngừng kinh doanh có thời hạn từ ngày 01/9/2022 đến ngày 31/8/2023, nhưng chưa giải thể hay phá sản. Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng tại trụ sở Công ty T và nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Văn N, nhưng đến nay Công ty T và ông N không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ phát biểu ý kiến:***

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với Công ty T và ông Nguyễn Văn N không chấp hành tốt nghĩa vụ của đương sự trong việc tham gia tố tụng tại Tòa án. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 335, 336, 339, 342, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 30, 35, 39, 147, 186, 217, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V, buộc Công ty T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/4/2023 là

3.723.875.145 đồng. Kể từ ngày 29/4/2023 Công ty T phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng cho tới khi thanh toán xong hết các khoản nợ.

- Trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì ông Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm sử dụng toàn bộ tài sản của mình thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T cho tới khi thanh toán xong hết nợ.

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu tính lãi suất chậm trả của Ngân hàng đối với Công ty T.

- Về án phí: Công ty T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với Công ty T có trụ sở tại khu phố Do Nha, phường Phương Liễu, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Quế Võ.

Công ty T và ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty T có vay của Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 4.309.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/19062 ngày 03/12/2019 (Kèm theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 11/02/2020); Hợp đồng cho vay hạn mức số BNH/19062 ngày 19/3/2020; 12 Khế ước nhận nợ và 01 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 06/6/2017. Các hợp đồng này đều được các bên tự nguyện ký kết, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên đều có hiệu lực pháp luật.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên thì ông Nguyễn Văn N có đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình để bảo lãnh tất cả các nghĩa vụ tài chính của Công ty T đối với Ngân hàng theo các Hợp đồng bảo lãnh số BNH/19/003/HĐBL ngày 25/7/2019 và số 030617-3680945-01-SME/HĐBL ngày 06/6/2017. Việc ông N nhận bảo lãnh các khoản vay của Công ty T đối với Ngân hàng cũng hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên các hợp đồng bảo lãnh

đều có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Công ty T còn thế chấp tài sản là thửa đất số 775, tờ bản đồ số 22 tại thôn Do Nha, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ; và 01 chiếc xe ô tô BKS 99C-061.10. Tuy nhiên, đến nay Ngân hàng đã làm thủ tục giải chấp đối với thửa đất nêu trên, còn chiếc xe ô tô BKS 99C-061.10 hiện nay do đã hết khấu hao và hết giá trị sử dụng, Ngân hàng không yêu cầu xử lý đối với tài sản này nên Tòa án không xem xét.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 05/3/2021 Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, nên các khoản vay trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Theo Bảng tổng hợp dư nợ của Công ty T do Ngân hàng cung cấp thì tính đến ngày 28/4/2023 Công ty T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 3.858.227.392 đồng, gồm: 2.472.759.681 đồng tiền nợ gốc và 1.385.467.711 đồng tiền lãi, lãi suất chậm trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa Ngân hàng chỉ yêu cầu Công ty T phải trả tổng số tiền là 3.723.875.145 đồng, gồm: 2.472.759.681 đồng tiền nợ gốc và 1.251.115.464 đồng tiền nợ lãi, không yêu cầu tính lãi suất chậm trả. Xét thấy Ngân hàng rút một phần yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, và yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Công ty T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 335, 336, 339, 342, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 30, 35, 39, 147, 186, 217, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/4/2023 là 3.723.875.145 đồng.

Kể từ ngày 29/4/2023 Công ty Sản xuất và thương mại T phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng TMCP V theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay hạn mức, Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm đã ký kết giữa Công ty và Ngân hàng cho tới khi thanh toán xong hết tất cả các khoản nợ.

Nếu Công ty Sản xuất và thương mại T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V, thì ông Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm sử dụng toàn bộ tài sản của mình thực hiện nghĩa vụ trả nợ

cho Ngân hàng TMCP V thay cho Công ty Sản xuất và thương mại T cho tới khi thanh toán xong hết tất cả các khoản nợ.

2. Về án phí: Công ty TNHH Sản xuất và thương mại T phải chịu 106.477.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V 52.630.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006792 ngày 24/02/2023 của Chi cục THADS thị xã Quế Võ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Nời được thi hành án dân sự, Nời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Quế Võ;
- Chi cục THADS thị xã Quế Võ;
- Đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Minh Đức